TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Ông Nguyễn Viết Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 387/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thanh N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số nhà A, đường A, Tổ A, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, ấp A, xã A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số nhà A, đường A, Tổ A, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thanh N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà N, ông L có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, thành phố Cao Lãnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 04/6/2010.

Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc. Nhưng về sau mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn chính là do ông L không phụ giúp bà N chăm lo gia đình và hai con nhỏ. Nhiều năm qua bà N cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ngày 10/3/2023 mâu thuẫn sâu sắc, bà N và ông L sống ly thân cho đến nay. Bà N nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Bùi Thanh N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

- *Về con chung*: Bà Bùi Thanh N và anh Nguyễn Hoàng L có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 16/6/2014. Trước nay, 02 con chung sống với ông L và bà N. Từ tháng 03/2023, 02 con chung đang sống với bà N ở địa chỉ Tổ 9, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 16/6/2014. Cháu B và cháu H được bà chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, hai cháu sức khỏe không tốt như bạn bè cùng trang lứa nên cần ở bên cạnh mẹ là bà N chăm sóc. Hiện nay, cháu B đang học lớp bảy tại trường trung học cơ sở Nguyễn Thị Lựu cũng là nơi bà N đang làm việc (bà N hiện đang làm giáo viên) nên bà N sẽ thuận tiện trong việc trông nom, đưa đón cháu học tập và chăm sóc sức khỏe cho cháu.

Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu L cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nhưng tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu: bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung vì bà đủ điều kiện về kinh tế để lo cho hai con chung.

Đối với ý kiến của anh L yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011: bà N không đồng ý vì ông L với đặc tính công việc (ông L hiện làm bên công ty điện lực ở huyện Cao Lãnh) không ổn định về mặt thời gian, trước nay cũng không phụ giúp bà lo cho con cái nên bà N không đồng ý giao cháu B, cháu Hân cho ông L nuôi dưỡng sau khi ông bà ly hôn. Trường hợp cháu B sống với cha là ông L, bà không tự nguyện cấp dưỡng cho con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L cam kết không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông L thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và chung sống. Nay bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông L, ông L đồng ý ly hôn với bà N.

- *Về con chung*: bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014. Trước nay, 02 con chung sống với ông L và bà N. Từ tháng 03/2023, 02 con chung đang sống với bà N ở địa chỉ Tổ 9, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014. Ông L yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 vì cháu B là con trai nên để cho cha là ông L nuôi dưỡng để nối nghiệp, nối dõi tông đường nhà ông. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng, chị N yêu cầu nuôi 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014 thì ông L không tự nguyện cấp dưỡng cho 02 con chung

- *Về tài sản chung*: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L cam kết không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến của con chung Nguyễn Hoàng Gia B, Nguyễn Hoàng Gia Hân: cháu B, cháu Hân có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Bùi Thanh N sau khi ba mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Bùi Thanh N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L, có địa chỉ: số nhà 145/45, đường Đặng Văn Bình, Tổ 35, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L được xác lập năm 2010, hôn nhân của ông bà là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, thành phố Cao Lãnh ngày 04/6/2010 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa ông L, và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vấn đề này được ông bà thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông L nhận thấy về tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được do bà N kiên quyết xin ly hôn nên ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014. Trước nay, 02 con chung sống với ông L và bà N. Từ tháng 03/2023, 02 con chung đang sống với bà N ở địa chỉ Tổ 9, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014. Vì cháu B và cháu Hân được bà chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, hai cháu sức khỏe không tốt như bạn bè cùng trang lứa nên cần ở bên cạnh mẹ là bà N chăm sóc. Bà N cung cấp hồ sơ khám chữa bệnh của các cháu cho Tòa án.

Sau khi ly hôn, bà N và ông L thống nhất việc bà N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011, bà N và ông L đều yêu cầu nuôi cháu sau khi ông bà ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu L từ khi sinh ra sống cùng cha mẹ đến tháng 03/2023 đến nay sống cùng mẹ là bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà N và ông L đều có công việc và điều kiện kinh tế ổn định để lo cho cháu B. Nhưng hiện cháu đang học lớp bảy tại trung học cơ sở Nguyễn Thị Lựu cũng là nơi bà N đang làm việc (bà N hiện đang làm giáo viên) nên bà N sẽ thuận tiện trong việc trông nom, đưa đón cháu học tập và chăm sóc sức khỏe cho cháu. Bên cạnh đó, cháu B có sức khỏe không tốt như những đứa trẻ cùng trang lứa nên luôn cần sự chăm sóc của mẹ. Ông L với đặc tính công việc (ông L hiện làm việc tại công ty điện lực ở huyện Cao Lãnh) không ổn định về mặt thời gian, mặc dù ông L cho rằng cháu B là con trai nên sống cùng với cha để nối nghiệp cha và nối dõi tông đường. Cháu B có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với mẹ là bà N vì mẹ gần gũi, hiểu, chăm sóc cháu và dạy cháu học. Hội đồng xét xử sau khi xem xét các điều kiện trên nhận thấy, cháu B cần được mẹ là bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cuộc sống và sự phát triển của cháu.

Về cấp dưỡng, tại phiên tòa bà Bùi Thanh N không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho 02 con chung Gia B và Gia Hân; bản thân ông Nguyễn Hoàng L cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị N cung cấp tài liệu, chứng từ thể hiện chị N có đủ khả năng về tài

chính để nuôi dưỡng 02 con chung và bản thân chị N cũng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà Bùi Thanh N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

[5] Về tài sản chung: bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Bùi Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp, nên bà N đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L.

2. Về con chung:

Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 16/6/2014. Hiện nay, 02 con chung đang sống với bà N.

Sau khi ly hôn, bà Bùi Thanh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hoàng Gia Hân, sinh ngày 16/6/2014.

Ông Nguyễn Hoàng L không cấp dưỡng cho 02 con chung.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà Bùi Thanh N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Bùi Thanh N và ông Nguyễn Hoàng L không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thanh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012510 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà Bùi Thanh N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thanh N, ông Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai